

Bản án số: 77/2022/DS-ST
Ngày: 29-8-2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình.
2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tham gia phiên tòa:
Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 486/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Thanh N, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp H, xã Y, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp H, xã Y, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Chị N và chị L có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Đỗ Thị Thanh N trình bày: Do chỗ quen biết nhau, vào ngày 03/10/2019 chị có cho chị L vay số tiền 50.000.000 đồng, có làm giấy mượn tiền, tại giấy mượn tiền chị L tự viết và ký tên “L” ghi họ tên “Lê Thị L”, chị cho chị L vay lãi suất 5%/tháng, từ ngày vay đến nay chị L không trả lãi suất và cũng không trả lại tiền gốc cho chị, khi mượn tiền

chị L hẹn 01 tháng trả lại số tiền nợ trên, khi đến hạn trả nợ chị có liên lạc chị L nhiều lần để đòi lại số tiền trên nhưng cũng không được. Nay chị yêu cầu chị L trả lại cho chị số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi suất từ ngày vay đến ngày Tòa án xét xử.

Bị đơn chị Lê Thị L trình bày: Chị L xác nhận vào ngày 03/10/2019 có mượn của chị N số tiền 50.000.000 đồng, có làm giấy mượn tiền, tại giấy mượn tiền do chị viết và ký tên “L” ghi họ tên “Lê Thị L”. Số tiền chị mượn chị N là mượn dùm cho anh T, không liên quan đến chị và anh T có trả lãi cho chị N được 5.000.000 đồng, trả lãi cho chị N có giấy tờ gì hay không chị không biết. Nay chị N yêu cầu chị trả lại số tiền nợ 50.000.000 đồng và tiền lãi suất chị không đồng ý theo yêu cầu của chị N.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, buộc chị L trả cho chị N số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 03/10/2019 đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Đỗ Thị Thanh N khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị Lê Thị L. Hiện tại chị L có hộ khẩu thường trú tại xã Y, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đỗ Thị Thanh N và bị đơn chị Lê Thị L có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Đỗ Thị Thanh N yêu cầu chị Lê Thị L trả lại cho chị số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất từ ngày vay là 03/10/2019 đến ngày Tòa án xét xử. Ngược lại chị L không thừa nhận có nợ chị N.

Xét yêu cầu của chị N thì thấy: Chứng cứ chị N cung cấp là giấy mượn tiền ngày 03/10/2019 có chữ viết và chữ ký của chị L thể hiện hai bên có giao dịch cho vay, mượn tiền của nhau và chị L đã nhận đủ số tiền vay là 50.000.000 đồng. Như vậy, có đủ căn cứ xác định chị L có vay của chị N số tiền 50.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị N là có căn cứ nên chấp nhận.

Xét lời trình bày của chị L, trong quá trình giải quyết vụ án chị L cho rằng số tiền mà chị N khởi kiện là chị mượn dùng cho anh T không liên quan đến chị, nay chị không đồng ý trả cho chị N, vì chị không nợ chị N. Tuy nhiên chị không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình trong khi chị N không thừa nhận nên lời trình bày của chị L là không có cơ sở. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị N, buộc chị L có nghĩa vụ trả cho chị N số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi suất là phù hợp theo quy định tại Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi: Trong quá trình tố tụng chị N và chị L xác định số tiền trên là tiền mượn, có thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên chị N cho rằng trước khi khởi kiện chị có đến nhà chị L để đòi lại số tiền nợ rất nhiều lần nhưng chị L không trả cho nên chị L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho chị N. Do đó cần chấp nhận yêu cầu tính lãi của chị N, buộc chị L có nghĩa vụ trả lãi suất cho chị N từ khi chị N cho mượn tiền là ngày 03/10/2019 đến ngày xét xử là 33 tháng 26 ngày. Cụ thể:

Số tiền gốc 50.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 33 tháng = 13.695.000 đồng.

Số tiền gốc 50.000.000 x 0,027%/tháng x 26 ngày = 351.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi suất: 13.695.000 đồng + 351.000 đồng = 14.046.000 đồng.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí: Do chấp nhận yêu cầu của chị N nên chị L phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Thanh N đối với chị Lê Thị L về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Lê Thị L trả cho chị Đỗ Thị Thanh N số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi suất 14.046.000 đồng (mười bốn triệu không

trăm bốn mươi sáu ngàn đồng). Tổng cộng số tiền chị L phải trả cho chị N là 64.046.000 đồng (sáu mươi bốn triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí: Buộc chị Lê Thị L phải chịu 3.202.300 đồng (ba triệu hai trăm lẻ hai ngàn ba trăm đồng) án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả cho chị Đỗ Thị Thanh N số tiền 1.387.000 đồng (một triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn) tiền tạm ứng án phí, chị N đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0045288 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân xã và nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Quảng